

Số: 40/2024/QĐST-DS

Triệu Sơn, ngày 06 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 65/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T - Sinh năm: 1930

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tỳ: Ông Lại Minh H, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Mai A, Công ty luật TNHH A, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Lê Văn M - Sinh năm: 1961

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị V - Sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Lê Thị S - Sinh năm 1963

- Ông Lê Văn L - Sinh năm 1969

- Bà Lê Thị Th - Sinh năm 1965

- Bà Lê Thị Th – Sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Lê Thị H - Sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn B, xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hàng thừa kế: Các đương sự có mặt thống nhất ông Lê Văn Ph (tên gọi khác: Lê Văn V, Lê Việt H) và bà Lê Thị Tỳ có 06 người con gồm: Lê Thị V, Lê Văn M, Lê Thị S, Lê Văn L, Lê Thị Th và Lê Thị H, ngoài ra ông Ph và bà T không có người con chung, con riêng nào khác, bố mẹ ông Ph đã chết từ lâu. Ông Ph mất năm 1996 không để lại di chúc. Như vậy, hàng thừa kế của ông Ph gồm 07 (bảy) người gồm: bà Lê Thị T (Vợ ông Ph, bà Lê Thị V, ông Lê Văn M, bà Lê Thị S, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Th và bà Lê Thị H (Con ông Ph bà T).

- Về di sản thừa kế: Các đương sự đều thống nhất di sản thừa kế là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 292a, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã Thọ Vực năm 1992 (Thửa mới 740, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã Thọ Vực năm 2011), địa chỉ tại: Thôn 4, xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Theo kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ của tòa án ngày 11/01/2024, diện tích thực tế còn lại của thửa đất là $460.9m^2 : 2 = 230.45m^2$.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Đối với di sản chia thừa kế là quyền sử dụng đất: Các đương sự có mặt và đều thống nhất phần diện tích được chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, chia đều cho các hàng thừa kế (07 người) mỗi người được chia $32.92m^2$ tương đương giá trị 13.168.000đ (Mười ba triệu, một trăm sáu tám nghìn đồng), toàn bộ sẽ giao lại cho bà Lê Thị T quản lý, sử dụng, định đoạt, không ai yêu cầu bà T phải trả tiền.

+ Đối với phần đất bị công trình là nhà ở lấn sang phần đất của ông Lê Văn M $27,1m^2$: Ông M thống nhất tặng cho bà T phần diện tích đất này, không yêu cầu bà T phải trả tiền, Bà T đồng ý nhận.

+ Đối với toàn bộ các tài sản trên diện tích đất yêu cầu chia di sản thừa kế là của riêng ông Lê Văn L và bà Trịnh Thị Th. Ông L và bà Th thống nhất tặng toàn bộ cho bà Lê Thị T quản lý, sử dụng, không yêu cầu bà T phải trả tiền. Bà T đồng ý nhận.

(Có sơ đồ cụ thể kèm theo).

- Về án phí:

+ Miễn án phí cho ông M, bà T, bà Sơn và bà V.

+ Ông L, bà Th và bà H mỗi người phải chịu 329.200đ (Ba trăm hai chín nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự. Công nhận sự thỏa thuận, ông L nhận nộp toàn bộ án phí của mình, bà Th và bà H. Tổng cộng số tiền án phí ông L nhận nộp là 987.600đ (Chín trăm tám bảy nghìn sáu trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Chi cục THADS huyện Triệu Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Đình Hợp